

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 5 – 2024

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hoàng Tua

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hà Ngọc T**, sinh năm: 1997 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 15/7, khu vực 3, phường V, quận V, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: Số 432/1A tổ 8, ấp Long Hưng, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông **Dương Hoài T**, sinh năm: 1991 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 15/7, khu vực 3, phường V, quận V, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: Số 42A, phường V, quận V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Hà Ngọc T trình bày: Qua thời gian tìm hiểu, bà với ông Dương Hoài T tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận V, thành phố Cần Thơ vào ngày 30/3/2016. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung tên Dương Trí Tài, sinh ngày 13/02/2017 và Dương Hà Phương, sinh ngày: 11/01/2019. Nhưng đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cự cãi với nhau; vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng

không thành. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện và yêu cầu:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Dương Hoài T;

Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Dương Trí Tài và Dương Hà Phương đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu ông Dương Hoài T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn ông Dương Hoài T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hà Ngọc T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Dương Hoài T vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật; xác định đúng và đầy đủ tư cách của người tham gia tố tụng. Bị đơn ông Dương Hoài T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Giữa nguyên đơn bà Hà Ngọc T với bị đơn ông Dương Hoài T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nên nguyên đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự xét thấy giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không có khả năng hòa giải đoàn tụ thành; tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn cho thấy đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Có 02 người con chung; bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có yêu cầu nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên đề nghị chấp nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với bị đơn không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Hà Ngọc T với ông Dương Hoài T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận V, thành phố Cần Thơ vào ngày 30/3/2016; quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nên bà Hà Ngọc T có đơn khởi kiện xin ly hôn được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Dương Hoài T đã được triệu

tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

[2] Nguyên đơn bà Hà Ngọc T với bị đơn ông Dương Hoài T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có với nhau 02 người con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án đã mở phiên hòa giải nhưng ông Dương Hoài T vắng mặt nên không thể hòa giải đoàn tụ thành. Tiến hành xác minh tại nơi cư trú không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn, chính quyền địa phương chỉ ghi nhận ông Dương Hoài T vẫn sinh sống tại địa phương nhưng không cùng chung sống với vợ con. Tại phiên tòa, ông Dương Hoài T vắng mặt còn bà Hà Ngọc T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn. Xét về hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện của các bên cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn nhưng không có khả năng hòa giải đoàn tụ cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Hà Ngọc T là phù hợp, cho bà Hà Ngọc T được ly hôn với ông Dương Hoài T như đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Về con chung: Nguyên đơn bà Hà Ngọc T với bị đơn ông Dương Hoài T có với nhau 02 người con chung tên Dương Trí Tài, sinh ngày: 13/02/2017 và Dương Hà Phương, sinh ngày: 11/01/2019. Theo đơn khởi kiện, bà Hà Ngọc T có yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Dương Hoài T cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Dương Hoài T vắng mặt và bà Hà Ngọc T vẫn giữ yêu cầu nên giao con chung cho bà Hà Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông Dương Hoài T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với ông Dương Hoài T không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Hà Ngọc T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Hà Ngọc T. Cho bà Hà Ngọc T được ly hôn với ông Dương Hoài T.

Về con chung: Giao con chung tên Dương Trí Tài, sinh ngày: 13/02/2017 và Dương Hà Phương, sinh ngày: 11/01/2019 cho nguyên đơn bà Hà Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bị đơn ông Dương Hoài T không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với ông Dương Hoài T không ai được quyền ngăn cản, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Hà Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002537 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận V, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhậm:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. V;
- Chi cục THADS Q. V;
- Cục đ ư ơ ng sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Quốc